

BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC

Số: /QLD-GT

V/v cung cấp thông tin về việc sử dụng
thuốc trong Danh mục thuốc thiết yếu

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

Kính gửi:

- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
 - Các Bệnh viện/Viện trực thuộc Bộ Y tế;
 - Các cơ sở y tế trực thuộc Bộ, ngành;
 - Cục Dân số, Cục Phòng, chống HIV/AIDS.
- (sau đây gọi là Đơn vị)

Triển khai các quy định tại Luật Giá 2023, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Giá, Bộ Y tế ban hành Kế hoạch số 964/KH-BYT ngày 01/8/2024 xây dựng Thông tư ban hành Danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện kê khai giá.

Trên cơ sở báo cáo kết quả trúng thầu của các cơ sở y tế trên toàn quốc từ năm 2022 đến nay, Cục Quản lý Dược đã rà soát, tổng hợp 83 thuốc (thuộc Danh mục thuốc hóa dược, vắc xin, sinh phẩm thiết yếu ban hành kèm theo Thông tư số 19/2018/TT-BYT ngày 30/8/2018 của Bộ Y tế) không thuộc phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế và chưa có kết quả trúng thầu tại Phụ lục kèm theo công văn này.

Để có cơ sở báo cáo Bộ Y tế về danh mục thuốc được ban hành kèm theo Thông tư, Cục Quản lý Dược đề nghị các đơn vị cung cấp thông tin về tình hình sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của 83 thuốc nêu trên (được sử dụng trong điều trị nội trú, điều trị ngoại trú và có tổ chức mua sắm thuốc phục vụ người bệnh (bao gồm cả thuốc tại nhà thuốc bệnh viện)).

Văn bản trả lời của Quý Đơn vị đề nghị gửi về Cục Quản lý Dược - Bộ Y tế (Phòng Quản lý giá thuốc - Đ/c: 138A Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội) **trước ngày 30/8/2024**; để kịp thời tổng hợp đề nghị gửi trước qua hộp thư điện tử qlgiathuoc.qlld@moh.gov.vn công văn kèm theo Phụ lục bản Excel/Word.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. Đỗ Xuân Tuyên (để b/c);
- Cục trưởng (để b/c);
- Cục QLVDCT;
- Lưu: VT, GT (L.H).

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Thành Lâm

Phụ lục
DANH MỤC THUỐC ĐỀ NGHỊ CUNG CẤP THÔNG TIN
(Kèm theo công văn số /QLD-GT ngày /8/2024 của Cục Quản lý Dược)

Ghi chú: Đề nghị đánh dấu “x” vào cột “Có sử dụng” khi cơ sở y tế sử dụng thuốc

STT	STT TT19	Tên thuốc	Đường dùng	Dạng bào chế	Hàm lượng/ Nồng độ	Có sử dụng
1	24	Cyclizin	Tiêm	Dung dịch	50mg/ml	
2			Uống	Viên	50mg	
3	26	Diazepam	Trực tràng	Ống thụt	2,5mg, 5mg, 10mg	
4	30	Hyoscin hydrobromid	Dùng ngoài	Miếng dán trên da	1mg/72 giờ	
5	35	Clorpheniramin maleat	Tiêm	Dung dịch	10mg/ml	
6	54	Acetylcystein	Uống	Dung dịch	10%, 20%	
7	56	Kali ferrocyanid (K ₄ Fe(CN) ₆ .3H ₂ O)	Uống	Bột pha dung dịch, Viên		
8	65	Ethosuximid	Uống	Viên	250mg	
9				Si rô	50mg/ml	
10	73	Metrifonat	Uống	Viên	100mg	
11	76	Oxamniquin	Uống	Viên	250mg	
12				Dung dịch	50mg/ml	
13	77	Amoxicilin	Tiêm	Bột pha tiêm	500mg, 1g	
14	94	Spectinomycin	Tiêm	Bột pha tiêm	2g	
15	118	Ethambutol + Isoniazid + Rifampicin	Uống	Viên	275 mg + 75mg + 150mg	
16	120	Rifabutin	Uống	Viên	150mg	
17	127	p- aminosalicylic acid	Uống	Viên	500mg	
18				Cốm	4g	
19	133	Flucytosin	Uống	Viên	250mg	
20	134	Kali iodid	Uống	Dung dịch	1g/ml	
21	135	Diloxanid furoat	Uống	Viên	500mg	
22	138	Mefloquin	Uống	Viên	250mg	
23	140	Proguanil	Uống	Viên	100mg	
24	141	Amodiaquin	Uống	Viên	153mg, 200mg	
25	143	Artesunat + Amodiaquin	Uống	Viên	25mg+ 67,5mg, 50mg + 135mg, 100mg + 270mg	
26	144	Artesunat + Mefloquin	Uống	Viên	25mg + 55 mg, 100mg + 220mg	

STT	STT TT19	Tên thuốc	Đường dùng	Dạng bào chế	Hàm lượng/ Nồng độ	Có sử dụng
27	150	Arthemether	Tiêm	Dung dịch dầu	80mg/ml	
28	151	Arthemether + Lumefantrin	Uống	Viên	20mg + 120mg	
29	153	Pyrimethamin	Uống	Viên	25mg	
30	155	Sulfadiazin	Uống	Viên	500mg	
31	156	Pentamidin (isetionat)	Uống	Viên	200mg, 300mg	
32	158	Ribavirin	Tiêm	Dung dịch	800mg, 1g/10ml dung dịch đậm phosphate	
33	161	Zidovudin	Tiêm truyền	Dung dịch	10mg/ml	
34	164	Atazanavir (Sulfat)	Uống	Viên	100mg, 150mg, 300mg	
35	177	Azathioprin	Tiêm	Bột pha tiêm	100mg	
36	199	Chlorambucil	Uống	Viên	2mg	
37	202	Mesna	Uống	Viên	400mg, 600mg	
38	209	Biperiden hydroclorid	Uống	Viên	2mg, 4mg	
39		Biperiden lactat	Tiêm	Dung dịch	5mg/ml	
40	216	Acid Aminocaproic	Tiêm	Dung dịch	200mg/ml	
41	251	Hydralazin	Uống	Viên	25mg, 50mg	
42	259	Hydrochlorothiazid	Uống	Dung dịch	10mg/ml	
43	274	Neomycin + Bacitracin	Dùng ngoài	Kem	5mg + 500 IU	
44	276	Kali permanganate	Dùng ngoài	Dung dịch	0.50%	
45	281	Calamin	Dùng ngoài	Lotion		
46	286	Benzyl benzoate	Dùng ngoài	Kem thuốc	25%	
47	288	Permethrin	Dùng ngoài	Mỡ	5%	
48				Lotion	1%	
49	296	Meglumin iotroxat	Tiêm	Dung dịch	5g tới 8g lod trong 100ml đến 250ml	
50	297	Clorhexidin digluconat	Dùng ngoài	Dung dịch	5%	
51	334	Methyltestosteron	Đặt dưới lưỡi	Viên	5mg, 10mg	
52			Uống	Viên	0,025mg, 0,1 mg	
53	336	Ethinylestradiol + Levonorgestrel	Uống	Viên	30mcg + 150mcg	
54	337	Ethinylestradiol + Norethisteron	Uống	Viên	50mcg + 100mcg, 35mcg + 1 mg	

STT	STT TT19	Tên thuốc	Đường dùng	Dạng bào chế	Hàm lượng/ Nồng độ	Có sử dụng
55	338	Levonorgestrel	Uống	Viên	750 mcg, 30 mcg, 1,5mg	
56	340	Estradiol cypionat + medroxyprogesterone acetat	Tiêm	Hỗn dịch	5mg + 25mg/0,5ml	
57	341	Medroxyprogesterone acetat	Tiêm	Hỗn dịch	150mg/ml	
58	343	Que cấy giải phóng levonorgestrel	Cấy vào cơ thể	Hai thanh giải phóng levonorgestrel	75mg/thanh	
59	351	Gonadotropin	Uống	Bột đông khô	500IU, 1.500 IU	
60	354	Medroxyprogesterone acetat	Uống	Viên	5mg	
61	357	Methylthiouracil	Uống	Viên	50mg	
62	359	Kali iodid	Uống	Viên	60mg	
63	360	Kali iodid	Uống	Dung dịch	130mg/ml	
64	369	Vắc xin phối hợp phòng 5 Bệnh: Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván - Viêm gan B - Hib	Tiêm			
65	372	Vắc xin phòng Bại liệt	Uống			
66	377	Vắc xin phòng Rubella	Tiêm			
67	378	Vắc xin phối hợp phòng Bạch hầu - Uốn ván	Tiêm			
68	384	Vắc xin phòng bệnh 4 bệnh: Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván - Hib	Tiêm			
69	390	Vắc xin phòng Ung thư cổ tử cung	Tiêm			
70	398	Alcuronium clorid	Tiêm	Dung dịch	5mg/ml	
71	399	Pyridostigmin bromid	Tiêm	Dung dịch	1mg/ml	
72	407	Sulfacetamid natri	Nhỏ mắt	Dung dịch	10%	
73	409	Ciprofloxacin (hydroclorid)	Tra mắt	Mỡ	0.30%	
74	419	Sunfarin (Thành phần: Natri sulfacetamid + Ephedrin hydroclorid)	Nhỏ mũi	Dung dịch	0,01g + 0,01g/ml	
75	427	Mifepriston + Misoprostol	Uống	Viên	200mg + 200mg	
76	444	Lithi carbonat	Uống	Viên	300mg	
77	475	Cafein citrat	Uống	Dung dịch	20mg/ml	
78	476	Ibuprofen	Tiêm	Dung dịch	5mg/ml	

STT	STT TT19	Tên thuốc	Đường dùng	Dạng bào chế	Hàm lượng/ Nồng độ	Có sử dụng
79	483	Bọ mả, Eucalyptol, Núc nác, Viền chí, Trần bì, An túc hương, Húng chanh, Matri benzoat.	Uống			
80	484	Bọ mả, Eucalyptol, Núc nác, Viền chí, Trần bì, An túc hương, Húng chanh, natri benzoat.	Uống			
81	494	Mạch môn, Bách bộ, Cam thảo, Bọ mả, Cát cánh, Trần bì, Menthol, (Tinh dầu bạc hà).	Uống			
82	500	Nghệ vàng, Menthol, Camphor.	Dung dịch xịt mũi			
83	504	Nọc rắn hổ mang khô, Menthol, Methyl salicylat, Long não, Tinh dầu bạc hà.	Dùng ngoài			